

Số: 110/KH-SYT

Bắc Giang, ngày 04 tháng 11 năm 2019

KẾ HOẠCH
Công tác y tế tỉnh Bắc Giang năm 2020

Thực hiện Công văn số 3721/UBND-TH ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công năm 2019, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công năm 2020;

Sở Y tế báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác y tế năm 2019 và xây dựng kế hoạch công tác y tế năm 2020 như sau:

Phần I
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2019

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2019

1. Công tác quản lý, điều hành

1.1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành:

Sở Y tế đã tham mưu với UBND tỉnh một số nội dung trọng tâm trong công tác y tế trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về Phát triển giường bệnh của các cơ sở y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 15/2019/QĐ-BYT ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Quy định phân cấp và trách nhiệm về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Trên cơ sở nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 của Giám đốc Sở Y tế đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 và chấp thuận tại Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 20/02/2019. Nhằm cụ thể hoá các nhiệm vụ trọng tâm của Giám đốc Sở Y tế và phân đầu hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch năm 2019 của ngành y tế; Giám đốc Sở Y tế đã triển khai tới Trưởng các phòng thuộc Sở và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, đăng ký nhiệm vụ trọng tâm thực hiện năm 2019 với Giám

độc Sở và đã được chấp thuận tại Quyết định số 525/QĐ-SYT ngày 27/3/2019; trong đó yêu cầu người đứng đầu các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch thực hiện và báo cáo tiến độ về Sở Y tế hàng quý.

Sở Y tế ban hành nhiều văn bản kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn để chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực chuyên môn về khám chữa bệnh, y tế dự phòng, dân số - KHHGĐ, quản lý hành nghề y, dược tư nhân, cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý trang thiết bị, lập hồ sơ, khám quản lý sức khỏe điện tử.

Trong tháng 4 - 5/2019, Sở Y tế đã tổ chức các buổi làm việc với UBND các huyện/thành phố và trung tâm y tế các huyện/thành phố để đánh giá tình hình hoạt động, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và phát sinh từ khi thành lập trung tâm y tế huyện đa chức năng trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị y tế tuyến huyện: Bệnh viện đa khoa (BVĐK), trung tâm y tế (TTYT) và trung tâm dân số - KHHGĐ huyện/thành phố (từ ngày 01/01/2019) để Sở Y tế phối hợp với UBND huyện/thành phố chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc, phát sinh; đồng thời đề xuất cấp trên các nội dung, chính sách theo thẩm quyền giải quyết.

1.2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:

Sở Y tế đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2019 và kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2019.

Tổ chức 03 cuộc thanh tra hành chính, đạt 100% kế hoạch, gồm: (1) Thanh tra chấp hành các quy định của pháp luật về phòng chống bệnh truyền nhiễm; quản lý, sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng diệt khuẩn dùng trong y tế; phòng chống tác hại thuốc lá tại TTYT huyện Sơn Động và TTYT huyện Lục Nam; (2) Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với Hiệu trưởng Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang và Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm; (3) Thanh tra chấp hành pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và chính sách BHYT đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với Trung tâm Y tế huyện Yên Thế và Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang.

Tổ chức 11 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (*03 cuộc thanh tra theo kế hoạch; 08 cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất*). Tổng số đối tượng thanh tra, kiểm tra: 82 (55 tổ chức, 27 cá nhân). Số đối tượng vi phạm bị xử lý là 25 (*06 tổ chức; 19 cá nhân*). Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính 260.800.000 đồng (*trong đó: xử phạt 06 tổ chức với số tiền 86.550.000 đồng; 19 cá nhân với số tiền 174.250.000 đồng*). Trình Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính 01 cá nhân với số tiền là 60.000.000 đồng; Chánh thanh tra Sở Y tế xử phạt vi phạm hành chính 24 tổ chức, cá nhân với số tiền là 200.800.000 đồng. Tham gia Đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh về việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao, đấu thầu thuốc chữa bệnh.

Công tác tiếp công dân và tiếp nhận, xử lý đơn, thư tại Sở Y tế được thực hiện nghiêm túc: Trong năm 2019 (*từ 16/12/2018 đến 28/10/2019*): Tổng số lượt tiếp công dân: 12 lượt (*tiếp định kỳ 01 lượt; tiếp thường xuyên 11 lượt*). Số vụ việc: 11 vụ

việc (có 01 vụ việc tố chức tiếp 02 lần). Các ý kiến phản ánh và đơn của công dân đã được hướng dẫn, phân loại, xử lý theo quy định. Đã tiến hành thụ lý 02 đơn tố cáo tại Quyết định số 03/QĐ-SYT ngày 03/01/2019 của Giám đốc Sở Y tế và ban hành Kết luận nội dung tố cáo số 145/KL-SYT ngày 23/4/2019.

1.3. Quản lý hành nghề y, dược:

Ngay từ đầu năm Sở Y tế đã ban hành kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về hành nghề y, dược ngoài công lập năm 2019. Phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và các quy chế chuyên môn; phân cấp, phân công quản lý cơ sở hành nghề y, dược tư nhân theo địa bàn quản lý; thẩm định chặt chẽ việc cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động và các đoàn khám chữa bệnh nhân đạo, đồng thời thu hồi giấy phép hoạt động của các cơ sở chấm dứt hoạt động, đình chỉ hoạt động của các cơ sở không đủ điều kiện, kết quả:

- Cấp chứng chỉ hành nghề: Thẩm định 643 hồ sơ (473 về hành nghề y, 170 hồ sơ hành nghề dược), xét cấp 588 chứng chỉ hành nghề (433 chứng chỉ hành nghề y, 155 chứng chỉ hành nghề dược) cho cá nhân, tổ chức đủ điều kiện.

- Cấp giấy phép hoạt động: Thẩm định hồ sơ, điều kiện cấp và cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho 76 cơ sở (03 phòng khám đa khoa, 35 phòng khám chuyên khoa, 38 hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh); cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, Giấy chứng nhận đạt “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc” 360 cơ sở bán lẻ thuốc; Giấy chứng nhận đạt “Thực hành tốt phân phối thuốc” 10 công ty; Không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược 09 quầy thuốc. Thu hồi 88 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (do cá nhân xin dừng hoạt động kinh doanh). Mở tài khoản liên thông cho 250/1.319 cơ sở kinh doanh dược đã được cấp mã liên thông. Triển khai Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn và bán thuốc theo đơn giai đoạn 2017 - 2020 và quản lý việc kết nối liên thông cơ sở cung ứng thuốc.

- Thu hồi 18 Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và thu hồi một phần phạm vi hoạt động chuyên môn của 02 Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (do chủ cơ sở xin chấp dứt hoạt động và cơ sở không đủ điều kiện đáp ứng về nhân sự của các chuyên khoa đã được cấp phép), Tổ chức thẩm định xét duyệt 03 bài thuốc gia truyền.

- Xét 20 hồ sơ và đồng ý cho 18 đoàn khám chữa bệnh nhân đạo tại Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên, Lục Nam và thành phố Bắc Giang.

1.4. Cải cách thủ tục hành chính:

Sở Y tế đã trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (bao gồm 08 thủ tục hành chính mới ban hành; 28 thủ tục hành chính sửa đổi và 20 thủ tục hành chính bãi bỏ); Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực BHYT thuộc phạm vi chức năng

quản lý của Sở Y tế (bao gồm 09 thủ tục hành chính mới ban hành); Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (bao gồm 01 thủ tục hành chính mới ban hành và 04 thủ tục hành chính bãi bỏ).

Năm 2019, Sở Y tế xây dựng, ban hành và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015. Tiến hành đánh giá nội bộ, mở rộng cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và đã đề nghị Ban Chỉ đạo ISO của tỉnh thẩm định hệ thống phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại Sở Y tế; niêm yết công khai 100% các thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tìm hiểu, giám sát và thực hiện thủ tục hành chính.

Hiện tại, cấp tỉnh quản lý 139 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế thực hiện tại trung tâm hành chính công, trong đó trên 71% thủ tục hành chính đăng ký thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và 91.4% qua dịch vụ bưu chính công ích. Sở Y tế đã tổ chức tập huấn thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho toàn ngành y tế và các doanh nghiệp y, dược trên địa bàn tỉnh.

Các bệnh viện tuyến tỉnh, TTYT huyện tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh theo Quyết định 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế, rà soát giảm bớt những thủ tục không cần thiết, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Nhiều bệnh viện duy trì hệ thống đọc mã vạch thẻ BHYT trong việc tiếp đón người bệnh BHYT, lấy số khám bệnh tự động giảm thời gian chờ khám bệnh; bố trí sơ đồ, biển báo hướng dẫn vị trí các khoa, phòng, bộ phận thuận tiện, dễ quan sát; sắp xếp lại khu vực thanh toán thu viện phí nội, ngoại trú; niêm yết công khai giờ khám bệnh, giờ trả kết quả cận lâm sàng, giá dịch vụ y tế.

2. Cũng cố tổ chức và phát triển hệ thống y tế

Thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị Quyết Trung ương 6 (Khoá XII) “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

Sở Y tế đã tổ chức thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh về tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập từ ngày 01/01/2019, cụ thể:

- Tuyến tỉnh: sáp nhập Trung tâm Pháp Y, Trung tâm Giám định Y khoa vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

Triển khai tiếp nhận bàn giao nguyên trạng về biên chế, viên chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh theo Quyết định 337/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh và đi vào hoạt động từ ngày 01/6/2019.

- Tuyển huyện: Thành lập TTYT huyện, thành phố trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị tuyển huyện: BVĐK, TTYT và trung tâm dân số huyện, thành phố.

Sau khi sáp nhập và tổ chức lại, ngành y tế đã giảm 11 đơn vị trực thuộc (từ 34 đơn vị giảm xuống còn 23 đơn vị).

Các đơn vị y tế công lập tiếp tục phát triển các khoa phòng phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo hướng chuyên sâu như: BVĐK tỉnh thành lập Khoa Phụ sản, Phòng Công tác xã hội, Phòng Công nghệ thông tin và Đơn vị quản lý điều trị ngoại trú một số bệnh về máu; Bệnh viện Sản Nhi thành lập Khoa Giải phẫu bệnh và Khoa Xét nghiệm trên cơ sở tách Khoa Xét nghiệm tổng hợp.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 545/KH-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh về thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Ước tính đến hết năm 2019, số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 sẽ đạt 98,3%, bằng 100,5% KH năm.

3. Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo phát triển nhân lực

Chỉ đạo các TTYT huyện/thành phố phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn thực hiện chấm dứt hợp đồng đối với nhân viên y tế thôn bản theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh và bố trí, sắp xếp nhân viên y tế thôn bản theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn và bố trí kiêm nhiệm những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tổ chức, biên chế, viên chức, người lao động ở các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Tổng hợp, gửi Sở Nội vụ thẩm định nhu cầu tuyển dụng viên chức hành chính năm 2019; sơ tuyển viên chức hành chính năm 2019. Hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm năm 2020; biên chế năm 2020; nhu cầu tuyển dụng viên chức y tế, đào tạo năm 2020.

Trong năm 2019, Sở Y tế được Tỉnh ủy bổ nhiệm 02 đồng chí Phó Giám đốc Sở; giao phụ trách cho 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở; bổ nhiệm Chi cục trưởng Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh.

Ban hành Kế hoạch tuyển chọn lãnh đạo một số đơn vị y tế năm 2019; bổ nhiệm một số chức danh thuộc các phòng của Sở như: Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân; Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ; bổ nhiệm 45 lãnh đạo TTYT huyện/thành phố do tổ chức lại; tiếp nhận điều động và bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc BVĐK tỉnh; bổ nhiệm lại 02 Phó Giám đốc BVĐK tỉnh, 02 Phó Trưởng phòng thuộc Sở Y tế, Phó Giám đốc BV PHCN. Thẩm định và thỏa thuận bổ

nhiệm lần đầu đối với 176 cá nhân, bổ nhiệm lại cho 17 trưởng khoa/ phòng, trưởng trạm y tế thuộc các đơn vị. Công tác bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo dân chủ, công bằng và những cán bộ được bổ nhiệm đều đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Sở Y tế đã cử 63 cá nhân đi học đại học và sau đại học; cử 75 viên chức đi đào tạo kỹ thuật mới, gồm (60 viên chức đi đào tạo theo đề án của tỉnh, 15 viên chức đi đào tạo tại theo Dự án NORRED).

Tham mưu với UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1031/KH-UBND ngày 29/3/2019 về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” tỉnh Bắc Giang lần thứ 13 - năm 2020, Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 về việc thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” tỉnh Bắc Giang lần thứ 13 - năm 2020; tham mưu tổ chức xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” tỉnh Bắc Giang lần thứ 13. Kết quả đã xét 01 cá nhân đủ điều kiện xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân" và 18 cá nhân đủ điều kiện xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc ưu tú" trình Hội đồng cấp nhà nước đề nghị Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú.

Trong 10 tháng đầu năm 2019, Sở Y tế đã thực hiện tinh giản biên chế đối với 15 trường hợp, thuộc đối tượng hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi; giải quyết cho thôi việc đối với 23 viên chức.

Ước đến hết năm 2019, số bác sĩ/10.000 dân đạt 9,5 bác sĩ, vượt KH năm (KH năm: 8,8 bác sĩ/10.000 dân) do từ năm 2019, chỉ số này thống kê gồm cả bác sĩ làm việc tại cơ sở y tế công lập và tư nhân theo Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 của Bộ Y tế; số dược sĩ đại học/10.000 dân đạt 1,1 dược sĩ; tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ đạt 97,8%, không đạt KH năm (KH năm: 99,1%).

4. Các hoạt động chuyên môn y tế và dân số - KHHGD

4.1. Công tác truyền thông y tế:

Các hoạt động truyền thông về công tác y tế được triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục với các hình thức truyền thông đa dạng, nâng cao tính chủ động để tạo được sự đồng thuận, ủng hộ và tranh thủ sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan truyền thông, dư luận xã hội và nhân dân trong thực hiện các chính sách về y tế như: Chính sách bảo hiểm y tế, giá dịch vụ y tế, lợi ích của việc tiêm chủng phòng bệnh, chính sách dân số; quảng bá những thành công của ngành y tế; phản ánh khách quan các sự cố y khoa; đồng thời nâng cao kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho mọi người nhằm thay đổi hành vi và chủ động thực hành bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng.

Trong năm 2019, ngành y tế đã phối hợp truyền thông trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh trên 500 tin, bài, phóng sự; trên Báo Bắc Giang 270 tin, bài, ảnh; trên website của Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc đăng tải các văn bản pháp quy,

văn bản chỉ đạo, điều hành, các thủ tục cấp phép hành nghề y, dược và nhiều tin, bài, ảnh hoạt động của ngành, phổ biến kiến thức y học.

Tổ chức Hội thi tuyên truyền “Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của nhân viên y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh” gắn với xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp”.

4.2. Y tế dự phòng:

Ngành Y tế tiếp tục chủ động trong phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn và không chế kịp thời, không để dịch bệnh lây lan rộng. Một số bệnh truyền nhiễm (*ly, tiêu chảy, quai bị, cúm, viêm gan vi rút*) có tỷ lệ mắc giảm so với cùng kỳ năm 2018, một số bệnh truyền nhiễm (*sốt xuất huyết, ho gà, sởi*) có xu hướng gia tăng so với cùng kỳ năm 2018. Đến thời điểm hiện tại chưa ghi nhận trường hợp tử vong do mắc bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ bệnh nhân mắc sốt rét là 0,01 BN/1000 dân; tiếp tục duy trì kết quả thanh toán bệnh phong, bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi ước đạt 97%, tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván AT2+ cho phụ nữ có thai ước đạt 97,4%. Hoạt động giám sát phản ứng sau tiêm chủng được thực hiện tốt ở tất cả các tuyến; năm 2019 dự kiến ghi nhận khoảng 1.387 trường hợp phản ứng sau tiêm chủng, trong đó có 02 trường hợp phản ứng nặng tại huyện Yên Dũng, TP Bắc Giang, không có trường hợp tử vong; tất cả các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng đều được xử lý kịp thời và quản lý, báo cáo đúng quy định.

Ngành Y tế đang quản lý 4.590 cơ sở thực phẩm; trong 10 tháng đầu năm 2019 tiến hành thanh tra, kiểm tra 3.203 lượt cơ sở, tỷ lệ cơ sở đạt yêu cầu về ATTP chiếm 79,8%; số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đạt 83,7%. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện 648 cơ sở có vi phạm về ATTP, tiến hành xử phạt 161 cơ sở với số tiền 383,1 triệu đồng (*tăng xử phạt 83 cơ sở, tăng 158,64 triệu đồng*), nhắc nhở khắc phục 487 cơ sở. Các lỗi vi phạm chủ yếu là do cơ sở thực phẩm chưa chấp hành việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị không đạt quy định.... Hoạt động tuyên truyền và triển khai phòng, chống ngộ độc thực phẩm tại các cấp được duy trì và tăng cường trong các dịp cao điểm. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, đã xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại tiệc cưới trên địa bàn xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên với tổng số 76 người mắc, đã được ngành y tế xử lý đúng quy trình chuyên môn, không có trường hợp tử vong.

Hoạt động can thiệp dự phòng, chăm sóc, điều trị bệnh nhân HIV/AIDS tiếp tục được duy trì triển khai với đa dạng dịch vụ như: Dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện; dịch vụ chăm sóc, điều trị nhiễm trùng cơ hội, đặc biệt là điều trị bằng thuốc kháng vi rút (ARV). Dự kiến hết năm 2019 có 1.170 bệnh nhân được điều trị tại 03 phòng khám ngoại trú trên địa bàn tỉnh, số bệnh nhân có thể BHYT là 1.002 bệnh nhân.

Công tác điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tiếp tục duy trì tại 10 cơ sở (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; 08 Trung tâm Y tế các huyện/thành phố và Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội) và mở rộng thêm 02 cơ sở điều trị tại huyện Lục

Nam và huyện Sơn Động (dự kiến khai trương trong tháng 11/2019) với tổng số người được điều trị thay thế nghiện bằng thuốc Methadone là 1.190 người.

Lũy tích toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2019 phát hiện 3.345 người nhiễm HIV (năm 2019 phát hiện mới 65 trường hợp nhiễm HIV); số bệnh nhân AIDS tử vong là 1.313 người; số người nhiễm HIV/AIDS còn sống là 1.340 người; tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng là 0,11%.

Triển khai lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe người dân của 8 huyện/thành phố: Đến nay các đơn vị đã cơ bản hoàn thành các nội dung, đang triển khai nhập liệu; ước tính đến hết năm 2019, có trên 90% người dân trên địa bàn được khám và quản lý sức khỏe điện tử.

4.3. Khám, chữa bệnh:

Công tác phát triển kỹ thuật tiếp tục được nhiều bệnh viện trong ngành chú trọng, Sở Y tế đã phê duyệt bổ sung nhiều danh mục kỹ thuật đúng tuyến và vượt tuyến cho các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện và các cơ sở y tế tư nhân. Một số kỹ thuật chuyên sâu đã được triển khai như: Tại BVĐK tỉnh triển khai kỹ thuật điều trị suy tĩnh mạch bằng Laser nội mạch; tại BV Ung bướu triển khai kỹ thuật nội soi phế quản dưới gây mê, nội soi phế quản ống mềm, phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ, chọc hút hạch/u, tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm; tại TTYT huyện Hiệp Hòa triển khai phẫu thuật Crossen, phẫu thuật nội soi dạ dày, ruột thừa, vùng hố chậu; tại TTYT Lạng Giang triển khai chụp cắt lớp vi tính CT scanner.

Các bệnh viện, TTYT đã triển khai kế hoạch và cử cán bộ luân phiên hỗ trợ chuyên gia kỹ thuật cho tuyến dưới. năm 2019, số lượt luân phiên của toàn tỉnh ước đạt 60 lượt (trong đó tuyến tỉnh luân phiên hỗ trợ tuyến huyện 20 lượt; tuyến huyện luân phiên hỗ trợ tuyến xã 40 lượt).

Công tác quản lý, điều trị ngoại trú bệnh không lây nhiễm tiếp tục được quan tâm và triển khai có hiệu quả; Sở Y tế đã ban hành kế hoạch thực hiện đề án quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh năm 2019; Tổng số bệnh nhân được quản lý, điều trị ngoại trú các bệnh không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh là 93.020 người (tăng huyết áp 63.640 người; đái tháo đường 18.183 người; hen phế quản, COPD 3.163 người; lọc thận chu kỳ 350 người; ung bướu 340 người). Số xã đang quản lý, điều trị ngoại trú tăng huyết áp tại trạm y tế xã có 190/230 với số lượng bệnh nhân là 21.639 người. Đã triển khai quản lý, điều trị ngoại trú bệnh đái tháo đường tại 07 trạm y tế xã với 95 bệnh nhân. Quản lý 7.344 bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh và các rối loạn tâm thần khác tại 230 xã/phường/thị trấn.

Công tác quản lý, cải tiến chất lượng bệnh viện tiếp tục được triển khai tại các bệnh viện tuyến tỉnh, TTYT huyện. Đặc biệt năm 2019, Giám đốc Sở Y tế giao nhiệm vụ trọng tâm cho Giám đốc trung tâm y tế các huyện/thành phố triển khai thực hành 5S tại TTYT và tất cả trạm y tế xã/phường/thị trấn trên địa bàn; một số huyện đã triển khai bước đầu đạt kết quả rõ rệt (Lạng Giang, Tân Yên, Yên Thế). Tại các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục chuyển biến về phong cách, thái

độ tiếp đón, phục vụ người bệnh, cùng với việc xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, tăng cường công tác quản lý các dịch vụ thuê ngoài và các dịch vụ phi y tế, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, tăng tỷ lệ hài lòng của người bệnh.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quy định hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo tại các cơ sở y tế công lập. Trong năm 2019, ước hỗ trợ khám, chữa bệnh cho 14.500 lượt người bệnh (gồm người nghèo, người dân tộc thiểu số, đối tượng chính sách, người mắc bệnh hiểm nghèo khó khăn), với tổng số tiền hỗ trợ khoảng 7 tỷ đồng.

Ước kết quả thực hiện khám, chữa bệnh năm 2019 như sau: Tổng số lần khám bệnh là 2.586.257 lượt (tuyến tỉnh 666.287 lượt; tuyến huyện 1.222.290 lượt; tuyến xã 697.680 lượt), đạt 107% KH năm; bệnh nhân nội trú 248.637 lượt (tuyến tỉnh 122.299 lượt; tuyến huyện 126.338 lượt), đạt 118,5% KH năm; bệnh nhân điều trị ngoại trú 51.224 người (tuyến tỉnh 17.560 lượt; tuyến huyện 33.664 lượt), đạt 117,4% KH năm; công suất sử dụng giường bệnh 107,2% (tuyến tỉnh 110 %; tuyến huyện 103,4 %).

4.4. Dân số - KHHGD và chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em:

Ước tính đến 31/12/2019: Dân số trên toàn tỉnh là 1.804.700 người; mức giảm tỷ lệ sinh là 0,62‰ so với năm 2018 (02 chỉ số này ước tính trên cơ sở kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm ngày 01/4/2019); số trẻ lần thứ 3 trở lên là 3.975 trẻ, chiếm 15% so số sinh và tăng 1.277 trẻ so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ số giới tính khi sinh năm 2019 là 117 bé trai/100 bé gái, tăng 2,2 điểm so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản dưới 40 bà mẹ/100.000 trẻ đẻ sống; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi đạt dưới 9,5‰; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đạt dưới 15,5‰; tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 3 lần trong 3 thai kỳ là 99,2%, đạt kế hoạch năm.

Duy trì triển khai các đề án về nâng cao chất lượng dân số như: Đề án chẩn đoán, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; Đề án can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; Đề án tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; Đề án tư vấn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng. Tiếp tục phối hợp với các ngành, đoàn thể, các cơ quan truyền thông tuyên truyền chính sách dân số - KHHGD bằng nhiều hình thức đa dạng. Hàng quý, Sở Y tế duy trì thông báo tình hình cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm sinh con thứ ba trở lên tới Chủ tịch UBND các huyện/thành phố để Chủ tịch UBND các huyện/thành phố làm căn cứ xử lý, cũng như chỉ đạo, triển khai các biện pháp nhằm hạn chế đối tượng vi phạm chính sách dân số trên địa bàn. Công tác bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được duy trì theo hướng đa dạng hóa các biện pháp tránh thai và mở rộng các kênh cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đẩy mạnh tiếp thị xã hội phương tiện tránh thai.

5. Dược, trang thiết bị và công trình y tế

Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các văn bản mới ban hành như: Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ về sửa

đòi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp; Thông tư 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Sở Y tế đã hoàn thành việc đấu thầu tập trung cấp địa phương mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro cung ứng cho các cơ sở khám chữa bệnh công lập năm 2019 - 2020. Hướng dẫn các đơn vị mua thuốc theo kết quả đấu thầu tập trung của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc quốc gia.

Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và các đơn vị tiêm chủng đảm bảo cung ứng vắc xin phục vụ nhu cầu tiêm chủng dịch vụ, đặc biệt trong đảm bảo vắc xin đại và vắc xin phòng bệnh phối hợp bạch hầu - ho gà - uốn ván.

Hướng dẫn các đơn vị điều trị HIV/AIDS xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc ARV điều trị HIV/AIDS năm 2019 - 2020; lập kế hoạch nhu cầu sử dụng thuốc kháng HIV nguồn BHYT tại cơ sở điều trị năm 2020; dự trù và sử dụng thuốc ARV nguồn viện trợ và ngân sách nhà nước trong điều trị HIV/AIDS. Tiếp nhận, cung cấp và điều phối thuốc ARV nguồn BHYT năm 2019.

Năm 2019, Ngành Y tế tiếp tục huy động các nguồn lực tài chính (NSNN, nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh, nguồn xã hội hóa, viện trợ nước ngoài...) để đầu tư một số thiết bị y tế hiện đại phục vụ cho phát triển kỹ thuật chẩn đoán, điều trị và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phòng bệnh, như: Máy phân tích miễn dịch tự động, máy đo mật độ loãng xương tia X toàn thân, máy tán sỏi ngoài cơ thể (tại Bệnh viện YHCT); Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, sản phụ khoa full HD, hệ thống X quang cao tần số hóa (tại BVĐK tỉnh); Máy chụp cộng hưởng từ 1.5 T (tại Bệnh viện Sản Nhi); máy tán sỏi ngoài cơ thể, hệ thống bơm tinh trùng vào buồng tử cung IUI (tại TTYT huyện Hiệp Hòa); Hệ thống máy gia tốc tuyến tính tại Bệnh viện Ung bướu được tiếp nhận bàn giao từ Dự án NORRED.

Về cơ sở hạ tầng y tế:

+ Các đơn vị y tế xây dựng mới 16 nhà vệ sinh công cộng: Đến hết tháng 10/2019, đã có 13 nhà vệ sinh công cộng được nghiệm thu, đưa vào sử dụng; còn 03 nhà vệ sinh (của Bệnh viện Nội tiết và TTYT huyện Tân Yên) do phải tổ chức đấu thầu rộng rãi và điều chỉnh thiết kế, thời gian hoàn thành thi công xây dựng sẽ chậm hơn, vì thế sẽ nghiệm thu, đưa vào sử dụng trong tháng 11/2019.

+ Đã hoàn thành đưa vào sử dụng khối nhà Nội Thận tiết niệu và chuẩn bị khởi công xây dựng khối nhà trung tâm 15 tầng của BVĐK tỉnh.

+ Đã triển khai xây mới cơ sở vật chất cho 10 trạm y tế thuộc các xã: Tam Tiến (Yên Thế), các xã Việt Ngọc, An Dương, Tân Trung, Liên Chung, Lan Giới, Ngọc Lý (huyện Tân Yên), xã An Bá (Sơn Động), xã Đồng Phúc (Yên Dũng) và xã Phú Nhuận (Lục Ngạn) bằng nguồn vốn hỗ trợ của EU.

+ 15 đơn vị y tế được cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng các khoa, phòng từ nguồn vốn không thường xuyên.

+ Sở Y tế đã phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất chủ trương đầu tư 11 dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để mở rộng quy mô giường bệnh của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

6. Tài chính y tế

Từ ngày 15/12/2018, triển khai Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

Ngày 02/5/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 672/QĐ-UBND về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2019 cho từng cơ sở khám, chữa bệnh BHYT công lập và tư nhân. Trong năm 2019, các cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai nhiều giải pháp nhằm kiểm soát tình trạng vượt dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

Sở Y tế đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Xã hội hóa y tế

Các đơn vị tiếp tục triển khai các dịch vụ xã hội hóa đã được phê duyệt; ngoài ra có 02 đơn vị triển khai dịch vụ mới là: BVĐK tỉnh triển khai dịch vụ nha khoa, TTYT Lạng Giang triển khai kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính CT scanner. Tháng 6/2019, TTYT huyện Hiệp Hòa khởi công xây dựng khối nhà điều trị nội trú 5 tầng từ nguồn vốn vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 01/2020.

8. Ứng dụng công nghệ thông tin

Sở Y tế đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đăng ký chữ ký số và tập huấn bàn giao sử dụng cho cá nhân, các đơn vị trực thuộc. Đến nay 100% các văn bản hành chính thông thường của Sở, đơn vị trực thuộc Sở được gửi nhận bằng điện tử và gắn chữ ký số của đơn vị; tại Sở Y tế đã triển khai thực hiện chữ ký số cá nhân của lãnh đạo Sở từ tháng 3/2019. Các đơn vị trực thuộc ký, ban hành văn bản bằng chữ ký số cá nhân của Giám đốc đơn vị sau khi được Sở thông tin và Truyền thông cấp và tập huấn.

Các đơn vị trực thuộc tiếp tục triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT, quản lý thuốc, trang thiết bị, quản lý thông tin tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm. Triển khai kết nối liên thông dữ liệu hồ sơ sức khỏe của người dân giữa tuyến xã với huyện, tuyến tỉnh.

Từ năm 2019, Sở Y tế triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối mạng để quản lý hoạt động kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

- Hoạt động của hệ thống y tế thôn, bản tại nhiều địa phương đang gặp khó khăn và hiệu quả giảm sút do phần lớn người kiêm nhiệm không được đào tạo về y tế thôn bản từ khi triển khai Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Tổng số dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT của toàn tỉnh được giao năm 2019 chưa đáp ứng nhu cầu thực tế khám, chữa bệnh của người dân trong tỉnh tăng, số lượng các cơ sở khám, chữa bệnh tăng và mở rộng phạm vi hoạt động, tăng phát triển kỹ thuật mới, kỹ thuật cao dẫn tới tăng chi phí khám chữa bệnh BHYT gây ra tình trạng vượt dự toán chi khám chữa bệnh BHYT. Bên cạnh đó kết quả triển khai các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng vượt dự toán chi khám chữa bệnh BHYT của một số đơn vị chưa đạt hiệu quả đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và quyết định đến nguồn kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên, cũng như sự phát triển của các đơn vị y tế khi thực hiện tự chủ tài chính.

- Theo Quyết định thành lập TTYT huyện, thành phố, cơ chế tự chủ được giao như sau: Khối khám, chữa bệnh thực hiện tự bảo đảm chi thường xuyên; khối y tế dự phòng, dân số - KHHGĐ tự bảo đảm một phần chi thường xuyên. Vì vậy, việc thực hiện tự chủ của các đơn vị gặp một số khó khăn như xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, phân phối kết quả hoạt động tài chính.

- Trong 02 năm (2018 - 2019), UBND tỉnh và Sở Nội vụ chưa tổ chức tuyển dụng viên chức chuyên môn y tế; bên cạnh đó toàn ngành đã giảm 289 cán bộ y tế (nghỉ hưu 201, thôi việc 55, chuyển công tác sang tỉnh khác 8, tinh giảm biên chế 25); trong khi nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân ngày càng tăng, các cơ sở y tế phải mở rộng quy mô giường bệnh. Vì thế, tình trạng thiếu hụt nhân lực tại các cơ sở y tế công lập ngày càng nhiều, ảnh hưởng lớn đến hoạt động khám, chữa bệnh và phát triển của mỗi đơn vị.

- Việc kiểm soát chất lượng ATTP còn gặp nhiều khó khăn do số cơ sở thực phẩm thuộc cấp xã, phường, thị trấn quản lý đa số có quy mô nhỏ, lẻ chưa thực sự đảm bảo điều kiện ATTP theo quy định; Chính quyền nhiều xã, phường, thị trấn chưa quyết liệt trong chỉ đạo triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP, không kiên quyết xử lý vi phạm về ATTP theo quy định. Việc kiểm soát ATTP tại các tiệc cỗ trong cộng đồng, các bữa ăn của công nhân tại các khu công nghiệp gặp nhiều khó khăn; tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- Hiệu quả công tác dân số - KHHGĐ chưa bền vững, các chỉ số (tỷ lệ sinh con lần 3 trở lên, tỷ số giới tính khi sinh) đều tăng so với cùng kỳ năm 2018; các dịch vụ kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, sàng lọc ung thư đường sinh sản, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi chưa được mở rộng, thiếu nguồn lực để thực hiện.

Phần II
KẾ HOẠCH CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2020

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về y tế; tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn về khám chữa bệnh, phòng bệnh ở các tuyến; không để dịch bệnh bùng phát và lây lan rộng; kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hiện có hiệu quả công tác dân số - KHHGD; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư, vắc xin, sinh phẩm y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh và sử dụng thuốc an toàn hợp lý; đổi mới cơ chế hoạt động, thực hiện tự chủ tổ chức bộ máy, nhân lực, tài chính y tế và tích cực triển khai xã hội hóa y tế để tăng nguồn lực đầu tư cho y tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh, thanh toán BHYT; phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII.

2. Các chỉ tiêu cơ bản

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020
	Chỉ tiêu đầu vào			
1	Số bác sỹ/10.000 dân	bác sĩ	9,5	9,7
2	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	97,4	100
3	Tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc YSSN	%	100	100
4	Số giường bệnh/10.000 dân (<i>không tính giường bệnh TYT và PKĐKKV</i>)	giường	26,6	27,0
	<i>Bao gồm:</i>			
	- Số giường bệnh công lập/10.000 dân	giường	22	22,1
	- Số giường XHH trong cơ sở y tế công lập/10.000 dân	giường	2,0	2,0
	- Số giường BV ngoài công lập/10.000 dân	giường	2,6	2,9
	Chỉ tiêu hoạt động			
5	Số lượt khám bệnh trung bình/người/năm	lượt	1,8	21,9
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	97	≥ 96

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020
7	Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020	%	98,3	100
	Chỉ tiêu đầu ra			
8	Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản	BM/100.000 trẻ đẻ sống	< 40	< 35
9	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	< 9,5	< 9
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	< 15,5	< 15
11	Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân)	%	12,4	12
12	Tỷ lệ mắc sốt rét/1000 dân	‰	0,01	≤ 0,02
13	Số người mắc lao trong cộng đồng	BN/100.000 dân	110	105
14	Duy trì kết quả thanh toán bệnh phong, bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh		Đạt mục tiêu	Đạt mục tiêu
15	Dân số trung bình	người	1.804.700	1.823.070
16	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	-0,62	-0,05
17	Tỷ số giới tính khi sinh	số bé trai/100 bé gái	117	117
18	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	0,11	< 0,3

(Chi tiết tại các Biểu số 1, 2, 3, 4, 5, 6 đính kèm).

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác quản lý nhà nước

1.1. Công tác tham mưu:

Tham mưu với HĐND, UBND tỉnh về một số vấn đề trọng tâm trong công tác y tế, cụ thể:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh:

+ Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2026.

+ Xây dựng và trình UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030.

+ Xây dựng và trình UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

- Đề xuất một số chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2020 - 2025 trong báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Đề xuất kế hoạch công tác y tế 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công trung hạn ngành y tế 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và tiếp tục triển khai Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh ban hành một số chính sách phát triển y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ.

Đồng thời chỉ đạo các đơn vị trong ngành tích cực thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII; Đại hội Đảng bộ các cấp và Kế hoạch số 45/KH-TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ có hiệu quả, nâng cao ý thức; nâng cao chất lượng chuyên môn, kỹ thuật và chất lượng phục vụ nhân dân; tiếp tục phát triển chuyên môn, kỹ thuật và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; tăng cường kiểm soát và hạn chế tối đa tình trạng vượt dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT; chủ động phòng, chống dịch bệnh; phát huy dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

1.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát:

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, tập trung vào các lĩnh vực: An toàn vệ sinh thực phẩm; hành nghề y, y học cổ truyền, hành nghề dược, kinh doanh mỹ phẩm, vắc xin, sinh phẩm; quản lý, sử dụng quỹ khám, chữa bệnh BHYT; công tác quản lý dược, trang thiết bị y tế; thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

1.4. Quản lý hành nghề y, dược:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tổ chức thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề y, dược; giấy phép hoạt động cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, trang thiết bị y tế; giấy chứng nhận “Thực hành tốt phân phối thuốc”, cấp phép các đoàn khám chữa bệnh nhân đạo theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề y, dược tại các cơ sở y, y học cổ truyền, dược, thẩm mỹ trên

địa bàn tỉnh; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về hành nghề y, dược, nhất là cơ sở hoạt động không phép hoặc hoạt động quá phạm vi cho phép.

1.5. Cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin:

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp tục tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT, tiêm chủng mở rộng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, trong đó tập trung một số nhiệm vụ: Tăng tỷ lệ giải quyết các thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; các cơ sở khám chữa bệnh công lập mở rộng thực hiện thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; tiếp tục thuê phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cho các huyện/thành phố, đảm bảo kết nối liên thông với phần mềm quản lý khám chữa bệnh, phòng bệnh; tiếp tục triển khai kết nối mạng để quản lý hoạt động kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thí điểm bệnh viện thông minh tại BVĐK tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi và triển khai hệ thống PACS (hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh) trong chẩn đoán hình ảnh tại các cơ sở khám chữa bệnh.

2. Củng cố tổ chức và phát triển hệ thống y tế

- Các đơn vị y tế công lập tiếp tục phát triển các khoa, phòng phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo hướng chuyên sâu. Khuyến khích phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập, dự kiến thành lập 1 - 2 bệnh viện tư nhân.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 1656/KH-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh và Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế về triển khai thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân đầu hoàn thành mục tiêu xây dựng các xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 theo Kế hoạch 545/KH-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh và Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế.

3. Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo phát triển nhân lực y tế

- Triển khai Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tổ chức, biên chế, viên chức, người lao động ở các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Chỉ đạo các TTYT huyện/thành phố phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn tiếp tục củng cố hoạt động của hệ thống nhân viên y tế thôn bản.

- Tiếp tục triển khai hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế Bắc Giang giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 35/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh và triển khai thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày

20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ để đào tạo, chuyển giao kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn y tế và dân số - KHHGD

4.1. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

Chỉ đạo các đơn vị trong ngành y tế tăng cường truyền thông trên các phương tiện sẵn có tại đơn vị như: Website của đơn vị, truyền thông qua mạng internet, truyền thông trực tiếp. Đồng thời chủ động cung cấp thông tin và phối hợp với các cơ quan truyền thông (Đài, Báo, các cơ quan thông tin đại chúng) xây dựng các thông điệp, nội dung truyền thông về chủ trương chính sách của ngành y tế, về hoạt động của đơn vị, phổ biến kiến thức phòng, chống bệnh tật và nâng cao sức khỏe, trong đó có cả những sự cố y khoa nhằm định hướng thông tin kịp thời, chính xác.

4.2. Y tế dự phòng:

- Chủ động phòng, chống dịch bệnh; phát hiện sớm, kịp thời không chế không để dịch lớn xảy ra; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Duy trì kết quả tiêm chủng mở rộng tại tỉnh và kết quả thanh toán bệnh phong và bại liệt; loại trừ uốn ván rốn sơ sinh; giảm số mắc và chết các bệnh truyền nhiễm.

- Tập trung chỉ đạo các hoạt động dự phòng gắn với y tế cơ sở như: Chế độ dinh dưỡng hợp lý; bảo đảm an toàn thực phẩm; vận động toàn dân giữ gìn vệ sinh môi trường; không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia; phòng, chống bệnh nghề nghiệp. Triển khai hiệu quả các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu y tế - dân số.

- Tăng cường phối hợp giữa các ngành và các địa phương trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-BYT ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Quy định phân cấp và trách nhiệm về ATTP thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh. Duy trì, củng cố hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm và ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm tại các tuyến; phát hiện sớm, can thiệp kịp thời khi có vụ ngộ độc thực phẩm; công khai đường dây nóng về ATTP; kịp thời tiếp nhận, giải quyết dứt điểm những phản ánh, tố cáo về tình trạng mất ATTP thuộc trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết.

4.3. Khám, chữa bệnh:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng bệnh viện, phấn đấu tất cả cơ sở khám, chữa bệnh nâng điểm chất lượng theo tiêu chí của Bộ Y tế. Từng bước triển khai thực hiện kiểm định độc lập, đánh giá chất lượng dịch vụ, phân hạng bệnh viện theo chất lượng.

- Tăng cường thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn môi trường bệnh viện tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh; xây dựng cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp, thân thiện với môi trường theo Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 15/7/2016 của Bộ Y tế.

- Các bệnh viện, trung tâm y tế tiếp tục xây dựng quy trình chuyên môn theo Quyết định 4068/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ Y tế và tổ chức thực hiện; thường xuyên thực hiện nghiêm túc các quy định về chuyên môn y tế và phòng, tránh tai biến y khoa.

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu cho nhu cầu khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Thực hiện sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả. Tăng cường hoạt động dược lâm sàng, thông tin thuốc, theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR). Tiếp tục kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 31/5/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án quản lý, điều trị ngoại trú có kiểm soát bệnh không lây nhiễm và mạn tính giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch số 1364/KH-UBND ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh về Chiến lược Quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015 - 2025. Tăng cường chuyển người bệnh bị bệnh không lây nhiễm về quản lý, điều trị tại y tế cơ sở.

4.4. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và dân số - kế hoạch hóa gia đình:

Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh, dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Mở rộng các kênh tiếp thị xã hội và xã hội hóa nhằm cung ứng kịp thời, đầy đủ các phương tiện tránh thai hiện đại đến mọi đối tượng có nhu cầu; bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Thúc đẩy các can thiệp nhằm cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình chuyên môn để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu sản khoa và sơ sinh, trong đó chú trọng đến hoạt động quản lý sức khỏe bà mẹ, trẻ em ở tuyến y tế cơ sở và y tế tư nhân.

5. Dược, trang thiết bị y tế và công trình y tế

- Thực hiện tốt công tác đấu thầu tập trung để cung ứng đủ thuốc, vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh của nhân dân với chất lượng đảm bảo, an toàn, có giá cả hợp lý, thống nhất toàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình chuẩn hóa và quản lý chất lượng thuốc: GMP, GLP, GSP, GPP. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn, phát hiện và xử lý kịp thời thuốc, mỹ phẩm

nhập lậu, thuốc giả, không rõ nguồn gốc; tăng cường quản lý nguồn gốc và chất lượng đông dược và dược liệu tại các cơ sở sản xuất và cung ứng.

- Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng thí nghiệm” (GLP).

- Tranh thủ các nguồn lực để đầu tư mua sắm trang thiết bị và cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho các đơn vị y tế các tuyến nhằm phục vụ phát triển kỹ thuật và chất lượng hoạt động chuyên môn. Trong đó tập trung triển khai một số dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng y tế:

+ Dự án khôi phục nhà trung tâm, khôi phục nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của BVĐK tỉnh.

+ Dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang.

+ 04 Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh của 04 đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa và Bệnh viện PHCN.

+ Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB.

6. ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Y TẾ

- Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tập trung triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh.

- Các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân tăng cường các giải pháp củng cố hoạt động quản lý khám chữa bệnh BHYT nhằm hạn chế tối đa tình trạng vượt dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

- Tiếp tục phát triển các dịch vụ xã hội hóa y tế theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh nhằm mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, góp phần giảm chi từ nguồn khám, chữa bệnh BHYT và tăng bổ sung kinh phí cho hoạt động của đơn vị.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo; Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS.

III. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH Y TẾ NĂM 2020

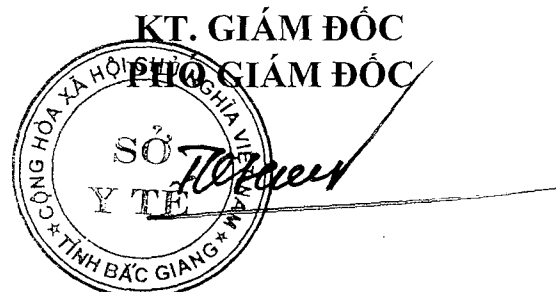
(Chi tiết tại các Biểu số 7, 8 đính kèm)./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KHTC;

Bản điện tử:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở.



Từ Quốc Hiệu

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH Y TẾ NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		Mục tiêu Kế hoạch 2016 - 2020	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH 2020/Ước TH 2019		
A	Y TẾ									
1	Các đơn vị y tế công lập	đơn vị	265	254	254	254	95,8	100		
1.1	<i>Tuyến tỉnh:</i>	"	14	11	11	11	78,6	100		
	- Bệnh viện	"	9	8	8	8	88,9	100		
	- Trung tâm chuyên ngành	"	4	2	2	2	50,0	100		
	- Trường Trung cấp Y tế	"	1	1	1	1	100	100		
1.2	<i>Tuyến huyện:</i>	"	21	13	13	13	61,9	100		
	- BVĐK huyện	"	8	0	0	0				
	- Trung tâm y tế huyện/thành phố	"	10	10	10	10	100	100		
	- Phòng khám đa khoa khu vực	"	3	3	3	3	100	100		Các PKĐKKV và trạm y tế là đơn vị chuyên môn trực thuộc TTYT huyện, TP
1.3	<i>Tuyến xã:</i>	"	230	230	230	230	100	100		
	- Trạm y tế xã/phường/thị trấn	"	230	230	230	230	100	100		
2	Tổng số giường bệnh	Giường	4.855	5.135	5.135	5.195	105,8	101,2		
2.1	<i>Giường bệnh viện</i>	"	3.690	3.970	3.970	4.030	107,6	101,5		<i>Tăng 60 GB</i>
a	<i>Tuyến tỉnh:</i>	"	2.070	2.240	2.240	2.240	108,2	100		
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	"	700	800	800	800	114,3	100		
	Bệnh viện Sản - Nhi	"	450	500	500	500	111,1	100		
	Bệnh viện Phục hồi chức năng	"	150	150	150	150	100	100		
	Bệnh viện Y học cổ truyền	"	140	140	140	140	100	100		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		Mục tiêu Kế hoạch 2016 - 2020	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH 2020/Ước TH 2019		
	Bệnh viện Phổi	"	200	220	220	220	110	100		
	Bệnh viện Tâm thần	"	130	130	130	130	100	100		
	Bệnh viện Ung bướu	"	200	200	200	200	100	100		
	Bệnh viện Nội tiết	"	100	100	100	100	100	100		
b	Tuyến huyện:	"	1.620	1.730	1.730	1.790	106,8	103		Tăng 60 GB
	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	"	140	150	150	150	107,1	100		
	Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn	"	230	250	250	250	108,7	100		
	Trung tâm Y tế huyện Lục Nam	"	190	210	210	210	110,5	100		
	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	"	150	150	150	150	100	100		
	Trung tâm Y tế huyện Yên Thế	"	150	170	170	170	113,3	100		
	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	"	190	210	210	230	110,5	109,5		Tăng 20 GB
	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà	"	200	220	220	250	110	113,6		Tăng 30 GB
	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	"	180	180	180	190	100	105,6		Tăng 10 GB
	Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng	"	190	190	190	190	100	100		
2.2	Phòng khám đa khoa khu vực (giường lưu)	"	15	15	15	15	100	100		
2.3	Trạm y tế xã/phường/thị trấn (giường lưu)	"	1.150	1.150	1.150	1.150	100	100		
3	Đào tạo (tại Trường Trung cấp Y tế)									
3.1	Đào tạo chính quy (tuyển mới)	Học sinh	105	120	100	100	95,2	100		
	- Đào tạo từ ngân sách nhà nước	"	105	120	100	100	95,2	100		
3.2	Đào tạo liên tục	"	236	230	250	230	105,9	92		
4	Số xã/phường/thị trấn có trạm y tế	xã/P/TT	230	230	230	230	100	100	230	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		Mục tiêu Kế hoạch 2016 - 2020	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH 2020/Ước TH 2019		
5	Tỷ lệ TYT xã/phường/thị trấn có bác sĩ	%	99,1	99,1	97,4	100	98,3	102,7	100	
	Trong đó: Tỷ lệ trạm y tế xã miền núi có bác sĩ	%	98,9	98,9	97,3	100	98,4	102,8		
6	Số xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (lũy kế)	xã/P/TT	222	225	226	230	101,8	101,8	230	
7	Tổng số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường TYT xã và PKĐKKV), bao gồm:	giường	26,1	27,5	26,6	27,0	101,9	101,5	25	
	- Số giường bệnh công lập/10.000 dân	giường	21,9	23,3	22,0	22,1	100,5	100		Chỉ tiêu GB công lập và GB XHH thực hiện năm 2019 giảm là do dân số TB tăng sau tổng điều tra
	- Số giường xã hội hóa trong cơ sở y tế công lập/10.000 dân	giường	2,2	2,2	2,0	2,0	90,9	100		
	- Số giường bệnh ngoài công lập/10.000 dân	giường	2,0	2,0	2,6	2,9	130,0	111,5	1,2 - 1,3	
8	Số bác sĩ/10.000 dân	bác sĩ	8,6	8,8	9,5	9,7	110,5	102,1	9	Từ năm 2019: Chỉ số này thống kê gồm cả BS làm việc tại cơ sở y tế công lập và tư nhân theo Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 của Bộ Y tế
9	Số dược sĩ đại học/10.000 dân	dược sĩ ĐH	1,1	1,1	1,1	1,1	100	100	1,5	
10	Tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc YSSN	%	100	100	100	100	100	100	100	
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	96,9	≥ 96	97	≥ 96	100,1	100	≥ 96	
12	Tỷ lệ mắc một số bệnh:									
	+ Sốt rét	BN/1000 dân	0,018	≤ 0,03	0,01	≤ 0,02	55,6		0,19	
	+ Số người mắc lao trong cộng đồng	BN/100.000 dân	126	120	110	105	87,3	95,5	187	
	+ Tỷ lệ lưu hành bệnh phong	BN/100.000 dân	0,02	< 0,2	0,02	< 0,2	100		< 0,2	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		Mục tiêu Kế hoạch 2016 - 2020	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH 2020/Ước TH 2019		
	+ Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	0,11	≤ 0,3	0,11	≤ 0,3	100		< 0,3	
13	Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống	BM/100000 trẻ đẻ sống	2,9	< 40	< 40	< 35			≤ 40	03 chỉ tiêu này được báo cáo từ các cơ sở y tế, không có số liệu điều tra tại cộng đồng
14	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	1,5	< 9,5	< 9,5	< 9			< 10	
15	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	2,2	< 15,5	< 15,5	< 15			≤ 15	
16	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân)	%	13,3	12,6	12,4	12	93,2	96,8	12	
B	DÂN SỐ									
1	Dân số trung bình	Người	1.691.810	1.699.853	1.804.700	1.823.070	106,7	101,0	1.715.000	Dân số trung bình năm 2019 và 2020 tính theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở 01/4/2019
2	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,1	0,1	0,62	0,05			0,1	
3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,24	1,12	1,15	1,15	92,7	100	1,10	
4	Tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng BPTT hiện đại	%	70,3	> 70	> 70	> 70				
5	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	114,2	113,8	117	117			117,2	

Biểu số 3

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ
VÀ TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI BỊ SUY DINH DƯỠNG NĂM 2020
(Phân theo huyện, thành phố)**

STT	Huyện, thành phố	Ước thực hiện năm 2019			Kế hoạch năm 2020		
		Số xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (tính lũy kế)	Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (%)	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (%)	Số xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (tính lũy kế)	Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (%)	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (%)
	Tổng toàn tỉnh	226	98,3	12,4	230	100	12,0
1	Thành phố Bắc Giang	16	100	10,9	16	100	10,4
2	Huyện Sơn Động	20	87	15,8	23	100	15,4
3	Huyện Lục Ngạn	30	100	13,2	30	100	13,0
4	Huyện Lục Nam	27	100	13,3	27	100	13,0
5	Huyện Yên Thế	21	100	12,7	21	100	12,3
6	Huyện Tân Yên	24	100	12,7	24	100	12,2
7	Huyện Hiệp Hoà	26	100	12,8	26	100	12,4
8	Huyện Việt Yên	19	100	11,0	19	100	10,5
9	Huyện Yên Dũng	20	95,2	11,4	21	100	10,8
10	Huyện Lạng Giang	23	100	13,4	23	100	12,8

- Năm 2019: Dự kiến có 04 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế là: An Bá, Phú Nhuận, Nội Hoàng, Tam Tiến.

- Năm 2020: Kế hoạch có 04 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế là: Đồng Phúc, Tuấn Mậu, Chiên Sơn, Thạch Sơn (trong đó 03 xã Tuấn Mậu, Chiên Sơn, Thạch Sơn sẽ sáp nhập).

Biểu số 4

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH DÂN SỐ NĂM 2020
(Phân theo huyện, thành phố)

STT	Huyện, thành phố	Ước thực hiện năm 2019			Kế hoạch năm 2020		
		Dân số trung bình (Người)	Mức giảm tỷ lệ sinh (%)	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (%)	Dân số trung bình (Người)	Mức giảm tỷ lệ sinh (%)	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (%)
	Tổng toàn tỉnh	1.804.700	-0,62	1,15	1.823.070	0,05	1,15
1	Thành phố Bắc Giang	174.500	-0,94	1,05	176.300	0,05	1,05
2	Huyện Lục Ngạn	226.600	-1,74	1,22	228.870	0,07	1,20
3	Huyện Lục Nam	226.200	-0,91	1,21	228.500	0,07	1,20
4	Huyện Sơn Động	76.150	-0,5	1,42	76.950	0,05	1,35
5	Huyện Yên Thế	101.200	+0,36	1,11	102.200	0,04	1,11
6	Huyện Hiệp Hoà	247.500	+0,27	1,09	250.000	0,05	1,09
7	Huyện Lạng Giang	217.100	+0,29	1,15	219.250	0,06	1,15
8	Huyện Tân Yên	177.300	-0,81	1,24	179.100	0,04	1,22
9	Huyện Việt Yên	206.000	-1,58	1,08	208.200	0,03	1,08
10	Huyện Yên Dũng	152.150	+0,34	1,19	153.700	0,03	1,19

Biểu số 5

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2020

STT	Huyện, thành phố	Đơn vị tính	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; kinh doanh dịch vụ ăn uống được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định (lấy kể)				So sánh (%)	
			Thực hiện 2018	Thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	U' TH 2019/ TH 2018	KH 2020/ U' TH 2019
				KH năm 2019	Ước thực hiện năm 2019			
	Tổng toàn tỉnh (I+II)	%	81,2	85,0	86,3	90,7	106,3	105,1
I	Tuyến huyện	%	80,8	84,6	85,8	90,5	106,2	105,5
1	Thành phố Bắc Giang	%	81,4	84,7	87,0	91,7	106,9	105,4
2	Huyện Sơn Động	%	80,9	84,2	86,0	90,1	106,3	104,8
3	Huyện Lục Ngạn	%	81,8	84,6	85,7	90,3	104,8	105,4
4	Huyện Lục Nam	%	80,4	84,2	84,8	90,2	105,5	106,4
5	Huyện Lạng Giang	%	80,5	84,8	86,0	90,5	106,8	105,2
6	Huyện Yên Thế	%	80,4	84,7	85,6	90,3	106,5	105,5
7	Huyện Tân Yên	%	80,2	84,9	85,1	90,5	106,1	106,3
8	Huyện Hiệp Hoà	%	80,1	84,9	86,7	90,3	108,2	104,2
9	Huyện Việt Yên	%	80,2	84,7	85,1	90,3	106,1	106,1
10	Huyện Yên Dũng	%	82	84,6	85,8	90,5	104,6	105,5
II	Tuyến tỉnh	%	85	89	91,0	92,5	107,1	101,6
1	Chi cục ATVSTP	%	85	89	91,0	92,5	107,1	101,6

Biểu số 6

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VỀ BỆNH NHÂN ĐƯỢC ĐIỀU TRỊ NGHIỆN
CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG METHADONE NĂM 2020**

STT	Huyện/thành phố (*)	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Năm 2019		Kế hoạch 2020	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		U' TH 2019/ TH 2018	KH 2020/ U' TH 2019
	Tổng toàn tỉnh	Người	1.160	1.315	1.190	1.255	102,6	105,5
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Người	223	230	210	210	94,2	100
2	UBND thành phố Bắc Giang	Người	172	170	180	180	104,7	100
3	UBND huyện Lục Ngạn	Người	150	160	145	150	96,7	103,4
4	UBND huyện Hiệp Hòa	Người	159	160	165	170	103,8	103
5	UBND huyện Yên Thế	Người	93	100	80	80	86,0	100
6	UBND huyện Tân Yên	Người	30	40	40	45	133,3	112,5
7	UBND huyện Yên Dũng	Người	65	80	80	80	123,1	100
8	UBND huyện Việt Yên	Người	49	60	65	70	132,7	107,7
9	UBND huyện Lạng Giang	Người	99	100	100	100	101,0	100
10	UBND huyện Sơn Động	Người	0	30	10	30		300
11	UBND huyện Lục Nam	Người	0	30	10	30		300
12	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Người	120	155	105	110	87,5	104,8

Ghi chú: (*) Các đơn vị có thể tiếp nhận bệnh nhân trên địa bàn toàn tỉnh

DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP NĂM 2020

DVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Thu phí, lệ phí					Thu dịch vụ do nhà nước định giá					Thu dịch vụ xã hội hóa			Tổng số thu	Tổng số nộp NSNN	Số để lại được chi theo chế độ	35%, 40%/số thu để thực hiện chế độ tiền lương mới
		Phí hành nghề YDTN	Phí ATVSTP	Phí giám định Y khoa	Lệ phí tuyển sinh	Số nộp NSNN	Dịch vụ Giáo dục đào tạo	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm, giám định tư pháp	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh		Số nộp NSNN	Dịch vụ trồng giữ xe, căng tin, quầy thuốc	Dịch vụ Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu; tiêm Vắc xin, liên kết đào tạo	Số nộp NSNN				
								Thu của người bệnh	Thu từ cơ quan Bảo hiểm	Số nộp NSNN								
A	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KHOẢN CHI	800	35	-	-	217	-	-	-	-	-	-	-	835	217	618	247	
1	Văn phòng Sở Y tế	800				210								800	210	590	236	
2	Chi cục ATVSTP		35			7								35	7	28	11	
B	ĐƠN VỊ TỰ BAO ĐAM TOÀN BỘ CHI TX	-	-	600	-	24	-	600	116.105	471.252	24	2.276	54.760	2.914	645.593	2.962	642.631	26.047
1	BVĐK tỉnh Bắc Giang	-	-	600	-	24	-	600	75.000	300.000	24	1.300	44.552	2.452	422.052	2.500	419.552	11.725
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							75.000	300.000		1.300	44.552	2.452	420.852	2.452	418.400	11.322	
	<i>Thu từ giám định y khoa</i>			600		24								600	24	576	202	
	<i>Thu từ giám định pháp y</i>							600		24				600	24	576	202	
2	BV Sản - Nhi							37.105	107.252	-	898	10.208	462	155.463	462	155.001	6.218	
3	BV Y học cổ truyền							2.000	36.000		54			38.054	-	38.054	3.900	
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng							2.000	28.000		24			30.024	-	30.024	4.203	
C	ĐƠN VỊ TỰ BAO ĐAM MỘT PHẦN CHI TX	-	70	-	4	14	750	3.850	71.060	546.270	109	6.065	22.608	1.502	650.677	1.625	649.052	15.202
1	Trường trung cấp y tế				4	-	750				15	40	2.743	22	3.537	37	3.500	701
2	Bệnh viện Ung bướu							10.000	55.000			500	2.000	50	67.500	50	67.450	5.765
3	Bệnh viện Phổi							4.600	27.000			350	700	22	32.650	22	32.628	750
4	Bệnh viện Nội tiết							1.200	10.000	-		80	600	-	11.880	-	11.880	200
5	Bệnh viện Tâm Thần							1.600	6.200	-		140	1.200	27	9.140	27	9.113	450
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật							3.600	1.300	700	74	70	930	56	6.600	130	6.470	2.265
7	TT YT huyện Sơn Động	-	-	-	-	-	-	2.200	23.750	-	620	70	25	26.640	25	26.615	-	
	<i>Thu từ Dự phòng</i>											70	5	70	5	65		
	<i>Thu từ TYT xã</i>							-	2.750					2.750	-	2.750		
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							2.200	21.000		620	-	20	23.820	20	23.800		
8	TT YT huyện Lục Ngạn	-	-	-	-	-	-	9.200	78.400	-	700	830	130	89.130	130	89.000	305	
	<i>Thu từ Dự phòng</i>							200				230	30	430	30	400	193	
	<i>Thu từ TYT xã</i>								4.400					4.400	-	4.400	112	
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							9.000	74.000		700	600	100	84.300	100	84.200		
9	TT YT huyện Lục Nam	-	20	-	-	4	-	5.180	47.700	-	300	1.500	70	54.700	74	54.626	638	
	<i>Thu từ Dự phòng</i>		20			4		30				500	20	550	24	526	113	
	<i>Thu từ TYT xã</i>							150	6.700					6.850	-	6.850	525	
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							5.000	41.000		300	1.000	50	47.300	50	47.250		
10	TT YT huyện Yên Dũng	-	10	-	-	2	-	3.700	46.900	-	300	1.200	120	52.110	122	51.988	-	
	<i>Thu từ Dự phòng</i>		10			2		200				200	20	410	22	388		
	<i>Thu từ TYT xã</i>								3.900					3.900	-	3.900		

STT	Đơn vị	Thu phí, lệ phí					Thu dịch vụ do nhà nước định giá					Thu dịch vụ xã hội hóa			Tổng số thu	Tổng số nộp NSNN	Số để lại được chi theo chế độ	35%, 40%/số thu để thực hiện chế độ tiền lương mới
		Phí hành nghề YDTN	Phí ATVSTP	Phí giám định Y khoa	Lệ phí tuyển sinh	Số nộp NSNN	Dịch vụ Giáo dục đào tạo	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm, giám định tư pháp	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh		Số nộp NSNN	Dịch vụ trông giữ xe, cảng tin, quầy thuốc	Dịch vụ Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu: tiêm Vắc sin, liên kết đào tạo	Số nộp NSNN				
									Thu của người bệnh	Thu từ cơ quan Bảo hiểm								
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							3.500	43.000			300	1.000	100	47.800	100	47.700	
11	TT YT huyện Việt Yên	-	10	-	-	2	-	250	5.150	47.700	20	500	1.500	100	55.110	122	54.988	2.749
	<i>Thu từ Dự phòng</i>		10			2		250	150						410	22	388	111
	<i>Thu từ TYT xã</i>								4.700						4.700	-	4.700	658
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							5.000	43.000			500	1.500	100	50.000	100	49.900	1.980
12	TT YT huyện Hiệp Hoà	-	-	-	-	-	-	-	12.170	84.600	-	1.500	3.600	410	101.870	410	101.460	565
	<i>Thu từ Dự phòng</i>							160				100	10		260	10	250	129
	<i>Thu từ TYT xã</i>							10	4.600						4.610	-	4.610	436
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							12.000	80.000			1.500	3.500	400	97.000	400	96.600	
13	TT YT huyện Tân Yên	-	20	-	-	4	-	-	6.100	44.600	-	300	1.000	110	52.020	114	51.906	364
	<i>Thu từ Dự phòng</i>		20			4			100				300	10	420	14	406	114
	<i>Thu từ TYT xã</i>								4.600						4.600	-	4.600	250
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							6.000	40.000			300	700	100	47.000	100	46.900	
14	TT YT huyện Yên Thế	-	10	-	-	2	-	-	3.800	41.700	-	500	2.800	210	48.810	212	48.598	-
	<i>Thu từ Dự phòng</i>		10			2							300	10,0	310	12	298	
	<i>Thu từ TYT xã</i>							-	3.700			-	-		3.700	-	3.700	
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							3.800	38.000			500	2.500	200	44.800	200	44.600	
15	TT YT huyện Lạng Giang	-	-	-	-	-	-	-	4.000	32.000	-	150	750	50	36.900	50	36.850	-
	<i>Thu từ Dự phòng</i>							200				250	50		450	50	400	
	<i>Thu từ TYT xã</i>								4.000						4.000	-	4.000	
	<i>Thu từ khám bệnh, chữa bệnh</i>							3.800	28.000			150	500		32.450	-	32.450	
16	TT YT TP BG	-	-	-	-	-	-	-	860	20	-	15	1.185	100	2.080	100	1.980	450
	<i>Thu từ Dự phòng</i>							800				15	1.185	100	2.000	100	1.900	422
	<i>Thu từ TYT xã</i>							60	20						80	-	80	28
D	ĐƠN VỊ DO NSNN BẢO ĐẢM CHI TX	-	-	-	-	-	-	400	-	-	-	-	-	40	400	40	360	45
1	Trung tâm Kiểm nghiệm	-	-	-	-	-	-	400	-	-	-	-	-	40	400	40	360	45
	Tổng cộng toàn ngành	800	105	600	4	255	750	4.850	187.165	1.017.522	133	8.341	77.368	4.456	1.297.505	4.844	1.292.661	41.540

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	NỘI DUNG	G.bệnh, biên chế KH giao năm 2019	Dự toán kinh phí chi hoạt động năm 2020	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Trừ 50% thu sự nghiệp	Kinh phí chi cho con người	Dự toán còn được chi 2020	NĐ 116/2010/NĐ-CP	NĐ 64/2010/NĐ-CP	Chi QLHC	Chênh lệch PC ưu đãi	Chênh lệch lương từ 1.210 lên 1.390	Trừ nguồn làm lương còn dư năm 2018	Nguồn làm lương 35-40% năm 2020	Ngân sách nhà nước cấp năm 2020
A.	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	72	2.986	268	-	7.319	10.037						228	247	9.562
	Kinh phí khoán		1.759	179		7.319	8.899						228	247	8.424
	Kinh phí không khoán		1.227	89		-	1.138						-	-	1.138
1	Sở Y tế	39	1.688	159		4.423	5.952						228	236	5.488
	Kinh phí khoán	39	1.083	111		4.423	5.395						228	236	4.931
	Kinh phí không khoán		605	48		-	557						-	-	557
2	Chi cục Dân số - KHHGD	17	680	67		1.692	2.305	-	-				-	-	2.305
	Kinh phí khoán	17	409	41		1.692	2.060						-	-	2.060
	Kinh phí không khoán		271	26		-	245						-	-	245
3	Chi cục An toàn VSTP	11	618	42		1.204	1.780						-	11	1.769
	Kinh phí khoán	11	267	27		1.204	1.444						-	11	1.433
	Kinh phí không khoán		351	15		-	336						-	-	336
B	ĐÀO TẠO	52	988	99	878	5.135	5.146	-	-				-	-	5.146
	Trường Trung cấp y tế	52	988	99	878	5.135	5.146	-	-				-	-	5.146
	Biên chế	52	988	99	878	5.135	5.146	-	-				-	-	5.146
C	SỰ NGHIỆP Y TẾ	727	23.405	1.483	3.282	72.778	91.418	451	4.729	12.761	2.255	2.279	5.741	1.558	106.594
I	Bệnh viện	-	8.580	-	-	-	8.580	-	4.615	12.761	2.255	2.279	1.599	450	28.441
1	Khối tỉnh		8.580	-			8.580			6.271	2.255	2.279	1.599	450	17.336
2	Khối huyện								4.615	6.490					11.105
II	Khám bệnh	52	1.144	114	-	7.004	8.034	262	-				-	202	8.094
1	Khối tỉnh	21	462	46		2.574	2.990							202	2.788
2	Khối huyện	31	682	68		4.430	5.044	262							5.306
III	Phòng dịch.- Chuyên khoa	615	12.361	1.239	3.282	60.376	68.216	189	-				4.142	906	63.357
1	Khối tỉnh	253	4.938	495	2.705	26.185	27.923							247	27.676
2	Khối huyện	362	7.423	744	577	34.191	40.293	189					4.142	659	35.681
IV	Dân số -KHHGD	60	1.320	130	-	5.398	6.588	-	114						6.702
D	Khối xã	1.783	193.533	920		184.333	192.613						-	2.009	190.604
	Lương, phụ cấp	1.783	184.333			184.333	184.333							2.009	182.324
	Chi tương xuyên		9.200	920			8.280								8.280
E	Chi ngoài định mức		182.058	12.602		-	169.456	-					-	-	169.456
	Chi không thường xuyên		165.018	12.602			152.416								152.416
	Sửa chữa trụ sở làm việc		17.040				17.040								17.040
	Tổng cộng		402.970	15.372	4.160	269.565	468.670	451	4.729	12.761	2.255	2.279	5.969	3.814	481.362